TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2022
Vv không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- *Bị đơn:* Chị Hồ Thị Hồng H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn L1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2021, bản tự khai, nguyên đơn anh Mai Văn T trình bày: Anh và chị Hồ Thị Hồng H quen biết 01 thời gian rồi tự nguyện về sống chung với nhau. Năm 1994, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng anh và chị H không đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, giữa anh và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Do đó sau khi sinh con xong chị H đưa con về nhà cha mẹ sinh sống. Anh vào thành phố Hồ Chí Minh và cắt đứt quan hệ với chị H. Nay anh yêu cầu Tòa án công nhận anh và chị H không phải là vợ chồng .

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1994. Cháu D đã trưởng thành nên anh không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ

chung.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 25 tháng 2 năm 2022, bị đơn chị Hồ Thị Hồng H trình bày: Chị thống nhất quá trình đi đến hôn nhân, tình trạng hôn nhân và con chung như anh Mai Văn T trình bày. Chị thống nhất về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung như anh T trình bày. Nay anh T yêu cầu không công nhận vợ chồng chị đồng ý. Vì con chung đã trưởng thành nên chị không có ý kiến, yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Mai Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn chị Hồ Thị Hồng H cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Mai Văn T và chị Hồ Thị Hồng H vắng mặt nhưng đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn T và chị Hồ Thị Hồng H sống chung như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Do anh T và chị H chưa đăng ký kết hôn, hôn nhân chưa được pháp luật công nhận nên theo quy định của pháp luật, Tòa án không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân này. Việc anh T, chị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh Mai Văn T và chị Hồ Thị Hồng H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh Mai Văn T và chị Hồ Thị Hồng H có 01 con chung là Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1994. Cháu D đã trưởng thành và anh T, chị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh Mai Văn T và chị Hồ Thị Hồng H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Mai Văn T và chị Hồ Thị Hồng H là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006047 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi thành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS H.Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên